

Số: 106/TB-TTYT

Bắc Sơn, ngày 14 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trung tâm Y tế khu vực Bắc Sơn thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2026 như sau:

1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2026 theo biểu đính kèm thông báo này.

2. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2026:

2.1. Về chi ngân sách nhà nước:

Trên cơ sở dự toán năm 2025 được chuyển nguồn sang năm 2026 và dự toán được Sở Y tế giao năm 2026. Trung tâm Y tế khu vực Bắc Sơn tổ chức thực hiện chi trong phạm vi dự toán được giao, trên cơ sở tiêu chuẩn, chế độ, định mức, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả; nghiêm túc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Nguồn ngân sách nhà nước giao chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Dự toán được giao là 18.093 triệu đồng, thực hiện 6 tháng 2026 là: 6.099 triệu đồng, đạt 34% so với dự toán được giao và bằng 42% so với cùng kỳ năm trước.

(Chi tiết theo biểu tổng hợp đính kèm)

Trung tâm Y tế khu vực Bắc Sơn thông báo công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Lạng Sơn;
- Lãnh đạo TTYT;
- Các phòng của TTYT;
- Trang thông tin điện tử TTYT;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC
TỈNH
TRUNG TÂM
Y TẾ
KHU VỰC
BẮC SƠN
Đặng Minh Kim

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
(06 THÁNG NĂM 2026)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Sở Y tế công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng năm 2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng năm 2026	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5 = 4/3*100	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Phí				
	Phí y, dược, an toàn thực phẩm,..				
	Phí giám định y khoa				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
I	Phí				
	Phí y, dược, an toàn thực phẩm,..				
	Phí giám định y khoa				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.093	6.099	34	42
I	Nguồn ngân sách trong nước	18.093	6.099	34	42
1	Chi quản lý hành chính	0	0		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	18.093	6.099	34	42
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.826	5.576	38	40
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.267	523	16	91